

Số: 363 /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 14 tháng 02 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính**

Thực hiện Công văn số 233/SNV-CCHC ngày 18/02/2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 33/KH-SNV ngày 14/01/2020 của Sở Nội vụ về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2020. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 3977/KH-UBND ngày 24/12/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính và hoạt động công vụ năm 2020; Công văn số 150/UBND-NV ngày 30/01/2020 về việc kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện.

UBND huyện đã tập trung, thống nhất, quyết liệt trong hành động, kiên quyết đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành, xây dựng huyện trong sạch, liêm chính, gắn bó với nhân dân, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp; phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành pháp luật. UBND huyện đã chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm tinh thần thượng tôn pháp luật.

#### **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

1. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 3977/KH-UBND ngày 24/12/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính và hoạt động công vụ năm 2020; Quyết định số 10372/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và hoạt động công vụ năm 2020. UBND huyện đã tiến hành kiểm tra đột xuất tại một số đơn vị. Hầu hết các cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị đều chấp hành tốt nội quy, quy định, thời gian làm việc theo quy định; không đi lễ hội, đền chùa trong giờ hành chính và sử dụng xe công đi lễ hội, đền chùa. Việc uống rượu, bia trước, trong giờ hành chính, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực; hút thuốc lá nơi làm việc, nơi công cộng đã được giảm hẳn. Hiệu quả sử dụng giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước được nâng cao. Tình trạng đi muộn về sớm cơ bản được khắc phục.

2. Công tác giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện.

### 2.1. Công tác tuyên truyền trong giải quyết TTHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 4236/KH-UBND ngày 31/12/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức nhận thức được tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, đặc biệt là công tác giải quyết thủ tục hành chính; tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính trong các cuộc họp của cơ quan, đơn vị; qua các phương tiện thông tin đại chúng, ... qua đó, giúp cán bộ, công chức, viên chức nắm vững các nội dung cơ bản về công tác cải cách hành chính, công tác giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, tin tưởng và quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

2.2. Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

- Số liệu giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (theo Phụ lục 01 gửi kèm);

- Số TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết của cơ quan, đơn vị (theo Phụ lục 02 gửi kèm);

3. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý (theo Phụ lục 03 gửi kèm);

4. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong năm 2019 và trong quý I năm 2020 (theo Phụ lục 04 gửi kèm).

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn huyện đã tạo bước chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ và văn hóa công sở. Qua đó, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện đối với tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính ở địa phương.

### 2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm. Nhiều công việc nêu trong các Chương trình hành động, Nghị quyết, Quyết định của huyện và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác chưa được triển khai đúng tiến độ, chưa bảo đảm chất lượng theo yêu cầu. Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chưa được quan tâm đúng mức, việc phát hiện vi phạm, xác định trách nhiệm và xử lý chưa kịp thời, chưa nghiêm.

Công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý của nhiều địa phương về kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa được quan tâm đúng mức.

### 3. Đề xuất giải pháp

Đề nghị UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, đặc biệt là việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Nội vụ./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ (b/c);
- Lưu: VT, NV.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Trường Sơn**

PHỤ LỤC 01

Số liệu giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Triệu Sơn

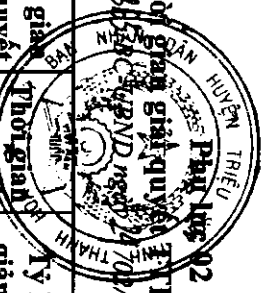
(Tính đến thời điểm báo cáo)

(Kèm theo Báo cáo số 365/BC-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết									
Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết					Việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC			Công khai giải quyết hồ sơ TTHC; công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC	
Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	Số TTHC giải quyết ở mức độ 3	Số TTHC giải quyết ở mức độ 4	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tiếp	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC phải giải quyết đã tiếp nhận	Số hồ sơ giải quyết quá hạn	Số trường hợp xin lỗi công khai
320	295	25	320	0	16332	37	16369	0	0

**Thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC của UBND huyện Triệu Sơn**  
(Kèm theo Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 12/01/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Tài chính - KH</b>					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
5	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
6	Đăng ký thành lập hợp tác xã	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề SXKD, vốn điều lệ, người đại diện theo PL, tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
9	Đăng ký khi HTX sáp nhập	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX khi bị mất	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện HTX khi bị mất	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX khi bị hỏng	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện HTX khi bị hỏng	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
14	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký HTX đối với trường hợp giải thể tự nguyện	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
15	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
16	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
17	Tạm ngừng hoạt động HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
18	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
19	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX khi đổi từ giấy CN đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
20	Thay đổi cơ quan đăng ký HTX	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
II	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					
21	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	25	15	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
22	Sắp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	25	15	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
23	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	35	21	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
24	Sắp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	25	15	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
25	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
26	Sắp nhập, chia, tách trường tiểu học	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
27	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
28	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	25	15	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
29	Sắp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
III	Lĩnh vực Văn hóa - Thông tin					
30	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm truy cập dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
31	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm truy cập dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
32	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm truy cập dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
33	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm truy cập dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
34	Cấp phép Karaoke	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
35	Công nhận "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Áp văn hóa". "Bản Văn hóa" và tương đương	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
36	Công nhận "Tổ dân phố văn hóa" và tương đương	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
37	Công nhận lần đầu "xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
38	Công nhận lại "xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
39	Công nhận lần đầu "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
40	Công nhận lại "Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
41	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	30	18	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
43	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thuộc thẩm quyền của UBND huyện)	30	18	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
44	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thuộc thẩm quyền của UBND huyện)	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
45	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình (thuộc thẩm quyền của UBND huyện)	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
46	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	20	12	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
47	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực chính sách</b>					
48	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	15	8	53	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
49	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.	15	8	53	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
50	Cấp giấy tham viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
51	Tiếp nhận hồ sơ, lập danh sách đề nghị hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
52	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.	25	15	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
V	Lĩnh vực thuộc Phòng kinh tế - Hạ tầng					
53	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
54	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
55	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
56	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
57	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
58	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, Ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
59	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
60	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
61	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
62	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
63	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
64	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
66	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
67	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
VI	<b>Lĩnh vực đất đai</b>					
68	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
69	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
70	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
71	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
72	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
73	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10	5	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
74	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
VII	Lĩnh vực Nội vụ					
75	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề.	20	10	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
76	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất.	20	10	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
77	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại.	20	10	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
78	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	20	10	50	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
79	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	25	15	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
80	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	25	15	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
81	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện.	25	15	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
VIII	Lĩnh vực Tư pháp					
82	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	5	3	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
83	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	5	3	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
84	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	5	3	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
85	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	5	3	60	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
86	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15	10	67	QB số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTTC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
87	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
88	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài	15	10	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
89	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
90	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12	7	58	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
91	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;	12	7	58	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực an toàn thực phẩm</b>					
92	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống	20	10	50	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	5	3	60	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	
94	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	3	2	67	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết hiện tại (ngày)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết (%)	Số, Ký hiệu văn bản thực hiện giải quyết TTHC theo thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
95	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (cấp huyện).	7	4	57	QĐ số 4893/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa	



**PHỤ LỤC 03**

**Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện  
(Tính đến thời điểm báo cáo)**

(Kèm theo Báo cáo số 363 /BC-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

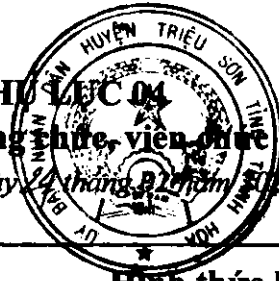
TT	Phòng/ban	Tổng số lãnh đạo phòng	Tổng số chuyên viên
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	3	9
2	Phòng Nội vụ	2	4
3	Phòng Tài chính- Kế hoạch	3	4
4	Phòng Tài nguyên Môi trường	2	4
5	Phòng Kinh tế Hạ tầng	2	1
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	3
7	Thanh tra huyện	3	0
8	Phòng Tư pháp	1	1
9	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	2	2
10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	1
11	Phòng Văn hóa Thông tin	2	1
12	Phòng Y tế	2	2
13	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện	2	8
14	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	3	5
15	Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch	2	16
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33</b>	<b>61</b>



**PHỤ LỤC 04**

**Tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật**

(Kèm theo Báo cáo số 363 /BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



TT	Đơn vị (phòng, ban, chi cục, xã, trường, trung tâm,...)	Hình thức kỷ luật					Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Buộc thôi việc	Khác	
<b>I. NĂM 2019</b>							
1	Trường TH An Nông		1				
2	Trường TH Triệu Thành	1					
3	Trường TH Thọ Dân	1					
4	UBND xã Xuân Thịnh	1					
5	UBND xã Hợp Tiến	2					
6	UBND xã Hợp Thành			2			
<b>II. QUÝ I/2020</b>							
1	Trường TH Hợp Thắng	1					
<b>Tổng</b>		<b>6</b>	<b>1</b>	<b>2</b>			